

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 104/2024/DS-ST
Ngày: 14/8/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Quý;

2. Ông Hồ Đức Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Quốc C, sinh năm 1971; địa chỉ: B đường C, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Lê Bá T, sinh năm 1991; Trú tại: Ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: 2 L, phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1994; Trú tại: Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ liên hệ: 2 L, phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/5/2024).

- **Bị đơn:** Ông Hồ Hữu P, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông P: Ông Huỳnh Nhật Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/8/2024)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông V, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Q có mặt; bị đơn bà L xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông C (ông V) trình bày:*

Do quen biết nên ông C có cho ông P, bà L vay tiền làm ăn. Cụ thể ngày 06/7/2022 ông C cho ông P, bà L vay số tiền là 200.000.000 đồng, hạn 30 ngày sau sẽ trả. Khi vay thì ông P, bà L có làm giấy tay do chính ông P ký tên, lẫn tay. Để đảm bảo khoản vay này thì ông P, bà L có giao cho ông C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS00355 ngày 16/9/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc L. Tuy nhiên đến ngày 06/8/2022 thì ông P, bà L không trả tiền cho ông C, nhiều lần ông C yêu cầu ông P, bà L trả tiền nhưng không được. Do đó, ông C khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2024 ông C yêu cầu ông P và bà L liên đới thanh toán số tiền vay là 233.320.000 đồng bao gồm tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 06/8/2022 đến ngày 06/4/2024 với lãi suất 0,83%/tháng là 33.320.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông P và bà L liên đới thanh toán số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/8/2022 đến khi xét xử (làm tròn 24 tháng) với lãi suất 0,83%/tháng là 39.840.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS00355 ngày 16/9/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc L thì ông C đồng ý trả lại khi nào ông P, bà L thanh toán đủ số tiền trên.

Ngoài ra ông V không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 11/6/2024, quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông P và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn ông P (ông Q) trình bày:*

Do quen biết nên ngày 06/7/2022 ông P có vay của ông C số tiền là 200.000.000 đồng. Khi mượn thì ông P có làm giấy tay do chính ông P viết và hạn 30 ngày sau sẽ trả tiền cho ông C. Đồng thời ông P có cầm cho ông C một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS00355 ngày 16/9/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc L. Khi cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì ông P không có nói cho bà L biết. Mãi đến sau này ông C gặp bà L thì mới nói cho bà L nghe.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông P thanh toán tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi thì ông P đồng ý. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P yêu cầu ông C trả lại cho bà L.

Ngoài ra, ông Q không trình bày gì thêm.

** Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 13/8/2024 bị đơn bà L trình bày:*

Bà L và ông P là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông P vay mượn tiền của ai thì bà L không biết. Khi được Tòa án triệu tập thì bà L mới biết ông P vay tiền của ông C và đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L cho ông C giữ. Nay trước yêu cầu của ông C thì bà L không đồng ý vì bà không mượn tiền của ông C. Ông C cho ông P mượn thì ông P phải có nghĩa vụ trả tiền. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L thì bà L yêu cầu nhận lại.

Ngoài ra, bà L không trình bày gì thêm.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Quốc C khởi kiện ông Hồ Hữu P và bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu liên đới thanh toán số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy mượn tiền ngày 06/7/2022. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông P, bà L có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà L.

[2] Nội dung vụ án: Ngày 06/7/2022 ông C cho ông P, bà L vay số tiền là 200.000.000 đồng, hạn 30 ngày sau sẽ trả. Khi vay thì ông P có làm giấy tay do chính ông P ký tên, lấn tay. Để đảm bảo khoản vay này thì ông P có giao cho ông C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ CS00355 ngày

16/9/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc L. Tuy nhiên đến hạn ngày 06/8/2022 thì ông P, bà L không trả tiền cho ông C nên ông C khởi kiện yêu cầu ông P và bà L liên đới thanh toán số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (làm tròn 24 tháng) là 39.840.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ ông C cung cấp là giấy mượn tiền ngày 06/7/2022 là bản chính. Theo nội dung giấy mượn tiền thì ông C có cho ông P mượn số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn là 30 ngày và có cầm cuốn sổ hồng tên sổ Nguyễn Thị Ngọc L tờ bản đồ số 30, thửa đất 540. Người mượn ký tên ông Hồ Hữu P. Ông P cũng thừa nhận chữ ký trên giấy mượn tiền do ông C cung cấp chính là chữ ký của ông C nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ Luật tố tụng Dân sự. Như vậy giữa ông C và ông P có tồn tại hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không thỏa thuận lãi suất. Ông P thừa nhận còn nợ ông C số tiền này và đồng ý trả nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu bà L liên đới thanh toán tiền thì như phân tích trên, bà L không có ký tên trên giấy mượn tiền. Ông P trình bày khi ông vay số tiền này thì bà L không biết. Nguyên đơn thừa nhận lúc hai bên thỏa thuận làm giấy mượn tiền thì bà L không có mặt. Nguyên đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh bà L cùng ông P vay số tiền này. Do đó nguyên đơn yêu cầu bà L liên đới thanh toán tiền cùng với ông P là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 06/8/2022 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng là 39.840.000 đồng. Ông P đồng ý thanh toán số tiền lãi. Xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định luật dân sự nên chấp nhận.

[5] Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS00355 ngày 16/9/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc L. Do bà L không biết việc vay tiền của ông P. Do đó nguyên đơn phải có trách nhiệm hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà L.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Phạm Quốc C đối với ông Hồ Hữu P và bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Buộc ông Hồ Hữu P có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Quốc C số tiền 239.840.000 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông P còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Quốc C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L liên đới thanh toán tiền.

3. Buộc ông Phạm Quốc C phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 416574 sổ vào sổ CS00355 ngày 16/9/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc L.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Hữu P phải chịu 11.992.000 đồng (mười một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- Hoàn lại cho ông Phạm Quốc C 5.833.000 đồng (năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000040 ngày 24/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Nguyên đơn, bị đơn ông P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Đặng Thị Thùy Linh